BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
3.	Báo cáo kết quả kiểm tra	5 - 6
4.	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	7 - 15

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015124 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 31/UBCK–GPHDKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có các quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty như sau:

Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 75.736.670.000 đồng.

Quyết định số 186/UBCK-GP ngày 02 tháng 02 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 03 năm 2009 về việc rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ: ***75.736.670.000 VND.***

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 5 771 732

Fax : 043 5 771 740

Website : www.csc.vn

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 6 4 8 3

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 3-1, tầng 3 toàn nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 083 5 515 486

Fax : 083 5 515 487

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Dương Chí Dũng	Chủ tịch	13 tháng 01 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Ông Trương Quốc Hùng	Phó CT thường trực	19 tháng 08 năm 2009	
Ông Vũ Hồng Nam	Thành viên	27 tháng 01 năm 2010	27 tháng 4 năm 2012
Bà Tạ Thị Tú Trinh	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Phi Long	Phó Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Anh Sơn	Trưởng ban	13 tháng 01 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Ông Trịnh Quốc Hiển	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Thị Hồng Ngát	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Thị Kim Dung		27 tháng 4 năm 2012	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà		27 tháng 4 năm 2012	
Ông Bùi Quang Thành		27 tháng 4 năm 2012	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2009
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 09 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Ngô Thị Thu Hương
Ngày 06 tháng 8 năm 2012

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 283/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra đã thỏa thuận trước với Quý Công ty được ghi dưới đây trong việc kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô gồm: Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro và Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, được lập ngày 06 tháng 8 năm 2012, từ trang 08 đến trang 15 trình bày trong tài liệu kèm theo. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

1. Chúng tôi đã đối chiếu số liệu trong Bảng tính vốn khả dụng với các sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được chúng tôi soát xét; kiểm tra sự phù hợp của các khoản giảm trừ và các khoản tăng thêm với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính (Thông tư số 226/2010/TT-BTC).

2. Chúng tôi đã đối chiếu số liệu trong Bảng tính giá trị rủi ro với các sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được chúng tôi soát xét; kiểm tra sự phù hợp của các hệ số rủi ro với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

3. Chúng tôi đã kiểm tra việc tính toán các số liệu trong các Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro, Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

a) Theo thủ tục ghi trong điểm 1, số liệu trong Bảng tính vốn khả dụng phù hợp với các sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được chúng tôi soát xét.

Các khoản giảm trừ và các khoản tăng thêm trình bày trong bảng tính này cũng phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC. Ngoại trừ chỉ tiêu "Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính", Công ty đang ghi nhận khoản giảm trừ của các chứng khoán chưa niêm yết theo giá trị ghi sổ do Ban Giám đốc Công ty chưa có căn cứ chính thức để xác định giá thị trường của các chứng khoán này.

b) Theo thủ tục ghi trong điểm 2, số liệu trong Bảng tính giá trị rủi ro phù hợp với các sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được chúng tôi soát xét. Các hệ số rủi ro được sử dụng để tính toán cũng phù hợp quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

c) Theo thủ tục ghi trong điểm 3, số liệu trong các Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro, Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng được tính toán đúng, phù hợp với hướng dẫn của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Báo cáo của chúng tôi chỉ sử dụng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch chứng khoán và các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô. Báo cáo này không được sử dụng cho mục đích khác.

Giám đốc

Nguyễn Hoàng Đức
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Viết
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Số: 08/2012/BC-CSC

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng	**Phó Tổng Giám đốc**
Dương Thu Hương	**Ngô Thị Thu Hương**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	**Khoản giảm trừ**	**Khoản tăng thêm**
A -	**NGUỒN VỐN**			
1.	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	75.736.670.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(16.933.085.573)		
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		17.487.453.349	75.332.053
	CỘNG	**58.803.584.427**	**17.487.453.349**	**75.332.053**
1A.	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**41.391.463.131**		

I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	Vốn khả dụng	
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**			
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**			
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Trả trước cho người bán		116.000.000	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV.	**Hàng tồn kho**		-	
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		279.594.992	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90		-	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		2.000.000	
1B.	**CỘNG**		**397.594.992**	

I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	Vốn khả dụng Khoản giảm trừ	Vốn khả dụng Khoản tăng thêm
C -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**			
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II.	**Tài sản cố định**		**5.184.954.786**	
III.	**Bất động sản đầu tư**		-	
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**			
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-	
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V.	**Tài sản dài hạn khác**			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		2.102.301.494	
1C.	**CỘNG**		**7.287.256.280**	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C		**33.706.611.859**		

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

A - RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) * (2)
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ**			-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	506.216.243	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	8.448.000.000	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II.	**Trái phiếu Chính phủ**			-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu			-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III.	**Trái phiếu doanh nghiệp**			-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) * (2)
IV.	**Cổ phiếu**			**7.662.677.250**
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.972.807.400	197.280.740
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	5.636.883.400	845.532.510
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	13.239.728.000	6.619.864.000
V.	**Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán**			-
13.	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI.	**Chứng khoán bị hạn chế giao dịch**			-
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII.	**Chứng khoán khác**			-
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII.	**Rủi ro tăng thêm**			-
	Mã chứng khoán	**Mức tăng thêm**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
			-	-
			-	-
A.	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG**			**7.662.677.250**

B - RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I.	**Rủi ro trước thời hạn thanh**							**506.880.000**
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	-	-	-	-	8.448.000.000	-	506.880.000
2.	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-

II.	**Rủi ro quá thời hạn thanh toán**			**6.461.327.418**
	Thời gian quá hạn	**Hệ số rủi ro**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%	6.461.327.418	6.461.327.418

III.	**Rủi ro tăng thêm**			-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	**Mức tăng thêm**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
			-	-
			-	-

B.	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**	**6.968.207.418**

C -	**RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**	
I.	**Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng**	**19.181.303.586**
II.	**Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**	**7.746.629.541**
1.	Chi phí khấu hao	1.807.651.656
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(522.349.533)
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	6.461.327.418
III.	**Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)**	**11.434.674.045**
IV.	**25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)**	**2.858.668.511**
V.	**20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán**	7.000.000.000
C.	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})**	**7.000.000.000**
D -	**TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A + B + C)**	**21.630.884.668**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

STT	CHỈ TIÊU	Vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	7.662.677.250	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	6.968.207.418	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4.	**Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)**	**21.630.884.668**	
5.	**Vốn khả dụng**	**33.706.611.859**	
6.	**Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)**	**156%**	